

XUÂN DIỆU

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được thế giới nghệ thuật của Xuân Diệu là sự thể hiện niềm khát khao giao cảm với đời.*
- *Thấy được tài năng nhiều mặt của Xuân Diệu và vị trí quan trọng của ông trong phong trào Thơ mới nói riêng, trong thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.*

I – CUỘC ĐỜI

1. Tiểu sử

Xuân Diệu (1916 - 1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. Thân sinh của thi sĩ là một nhà nho, quê ở xã Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ Nghệ vào dạy học ở tỉnh Bình Định, lấy bà hai người vạn⁽¹⁾ Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước và sinh ra Xuân Diệu.

Xuân Diệu lớn lên ở Quy Nhơn, học hết bậc Thành chung thì ra Hà Nội, rồi vào Huế học tiếp. Tốt nghiệp tú tài, ông đi dạy học tư và làm viên chức một thời gian ở Sở Đoàn⁽²⁾ Mĩ Tho, nhưng chủ yếu hoạt động văn học.



(1) *Vạn* : làng của những người làm nghề chài lưới, buôn bán thủy sản, thường sống trên thuyền, ở một vùng sông nước nào đấy.

(2) *Sở Đoàn* (tiếng Pháp : *Douane*) : Sở Thuế quan.

Xuân Diệu bắt đầu có thơ đăng báo từ năm 1935. Ông nổi tiếng như một "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh) và đầy tài năng từ năm 1937, nhất là từ khi xuất bản *Thơ thơ* (1938) và *Phấn thông vàng* (1939).

Xuân Diệu tham gia Mặt trận Việt Minh từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Từ đó, cuộc đời ông gắn bó với cách mạng và nền văn học cách mạng. Ông từng là đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam nhiều khoá, v.v. Tất nhiên, đóng góp to lớn nhất của Xuân Diệu đối với đất nước vẫn là với tư cách nhà thơ, nhà văn. Ông đã để lại ngót năm mươi tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau. Xuân Diệu xứng đáng được xem là một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hoá lớn. Năm 1983, ông được bầu là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật Cộng hoà dân chủ Đức. Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

2. Con người

"Cha đằng ngoài, mẹ ở đằng trong - Ông đồ Nghệ đeo khăn gói đồ"⁽¹⁾. Xuân Diệu học được ở cha – ông đồ Nghệ – đức tính cần cù, kiên nhẫn trong học tập, rèn luyện và lao động nghệ thuật. Ở Xuân Diệu, học tập, rèn luyện và lao động sáng tạo vừa là một quyết tâm khắc khổ, vừa là một lẽ sống, một niềm say mê lớn.

Sinh ra và lớn lên ở quê mẹ, Xuân Diệu thường nói đến tác động của thiên nhiên nơi đây (Quy Nhơn) đối với hồn thơ nồng nàn, sôi nổi của ông, đặc biệt là những ngọn gió nồm ("Quê mẹ gió nồm thổi lên tươi mát")⁽²⁾ và những con sóng biển ("Như hôn mãi ngàn năm không thoả - Bồi yêu bờ lắm lắm, em ơi!")⁽³⁾. Người ta còn nghĩ tới một lí do khác : ông là con vợ lẽ, phải xa mẹ từ nhỏ và thường bị hắt hủi. Hoàn cảnh ấy khiến ông luôn luôn khao khát tình thương và sự cảm thông của người đời.

Về quá trình đào tạo, Xuân Diệu một mặt là trí thức Tây học, đã hấp thụ ảnh hưởng của tư tưởng và văn hoá Pháp một cách có hệ thống trên ghế nhà trường, mặt khác do xuất thân từ một gia đình nhà nho (con một ông tú kép, tức hai lần đỗ tú tài Hán học), nên lại tiếp thu được một cách tự nhiên ảnh hưởng của nền văn hoá truyền thống. Vì thế, có thể tìm thấy ở nhà thơ sự kết hợp hai yếu tố cổ điển và

(1), (2) Thơ Xuân Diệu, bài *Cha đằng ngoài, mẹ ở đằng trong*.

(3) *Bài Biển*.

hiện đại, Đông và Tây trong tư tưởng và tình cảm thẩm mỹ. Tất nhiên, văn hoá, văn học phương Tây vẫn có ảnh hưởng sâu đậm hơn.

Xuân Diệu là một tài năng nhiều mặt : làm thơ, viết văn, nghiên cứu phê bình văn học, dịch thuật. Nhưng ông trước hết vẫn là một nhà thơ – một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại.

II – SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

A – TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Về thơ

a) Nhìn một cách tổng quát toàn bộ sự nghiệp văn học của Xuân Diệu, thấy có một tư tưởng chi phối tất cả, ấy là một niềm khát khao giao cảm với đời – cuộc đời hiểu theo nghĩa trần thế nhất. Với Xuân Diệu, phương tiện giao cảm trực tiếp và linh diệu nhất, không gì bằng thơ. Sáng tác thơ, Xuân Diệu muốn thả những mảnh hồn sôi nổi và tinh tế của mình để tìm đến những tâm hồn bè bạn ở mọi phương trời, ở mọi thế hệ, ở mọi thời khắc, của hôm nay và vĩnh viễn mai sau (*Tình mai sau*).

Tuy nhiên, trong niềm giao cảm ấy, Xuân Diệu đồng thời muốn *cái tôi* của mình phải được khẳng định chói lọi : "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối - Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"⁽¹⁾ – nhà thơ sợ nhất phải hoà tan *cái tôi* cá nhân của mình trong biển người vô danh "mờ mờ nhân ảnh"... Nhưng sống mãnh liệt, sống huy hoàng như thế nào, nhà thơ chưa có định hướng rõ rệt.

b) Thoát khỏi hệ thống ước lệ của "thơ cũ" thời trung đại, các nhà thơ mới như lần đầu tiên nhìn cuộc đời và vũ trụ bằng con mắt của chính mình. Nhưng sự "thoát xác" ấy đến Xuân Diệu mới thật trọn vẹn. Với cặp mắt "xanh non", cặp mắt "biếc rờn" ngơ ngác và đầy vui sướng, nhà thơ đã phát hiện ra biết bao vẻ đáng yêu, đáng say đắm của thế giới thiên nhiên và con người nơi trần thế rất đời bình dị và gần gũi này :

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn ;

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

(1) Bài *Giục giã*.

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !*

(Vội vàng)

Với Xuân Diệu, tất cả đều là "tình yêu thứ nhất", là "mùa xuân đầu", bởi vì trong con mắt ông "Tình không tuổi và xuân không ngày tháng"⁽¹⁾. Cố nhiên đẹp nhất, vui nhất vẫn là mùa xuân và tuổi xuân. Một thế giới như thế kêu gọi con người ta phải biết sống mãnh liệt, sống hết mình với nó : "Sống toàn tim, toàn trí, sống toàn hồn - Sống toàn thân và thức nhọn giác quan"⁽²⁾. Và không thể đứng dưng trước thời gian một đi không trở lại (*Vội vàng*, *Giục giã*). Với một hồn thơ yêu đời, yêu sống như vậy, Xuân Diệu đã thổi vào phong trào Thơ mới một luồng gió nồng nàn, sôi sục ít có trong thơ ca truyền thống.

c) Là một tâm hồn khát khao giao cảm với đời, tất nhiên Xuân Diệu trước hết phải là nhà thơ của tình yêu. Vì tình yêu là một trong những niềm giao cảm mãnh liệt nhất, sâu sắc, toàn vẹn nhất, vừa rất mực trần thế, vừa hết sức cao thượng. Vì tình yêu bao giờ cũng đòi hỏi vô biên, khát khao tuyệt đích và vĩnh viễn.

Một tình yêu như thế, Xuân Diệu cảm thấy không thể tìm được trong thực tế. Xuân Diệu thấy tình cảm mãnh liệt của mình chỉ như "Nước đổ lá khoai", càng yêu càng thấy "Đại khờ"⁽³⁾, thậm chí "Yêu là chết ở trong lòng một ít"⁽⁴⁾. Vì thế nội dung của hầu hết những bài thơ tình của Xuân Diệu là nỗi đau của một trái tim đắm say, nồng nhiệt mà không được đền đáp xứng đáng, là cảm giác cô đơn, giá lạnh trước thái độ nhạt nhẽo của người đời. Ta hiểu vì sao trong thế giới nghệ thuật của Xuân Diệu, mùa xuân và bình minh đi liền với những chiều thu tàn và những đêm trăng lạnh ; sự nồng nàn đi liền với cảm giác bơ vơ ; sự ham hố, vô vấp với

(1) Bài *Xuân không mùa*.

(2) Bài *Thanh niên*.

(3) *Nước đổ lá khoai*, *Đại khờ* : tên hai bài thơ của Xuân Diệu.

(4) Bài *Yêu*.

cuộc đời đi liền với nhu cầu thoát li tất cả, thậm chí muốn trốn tránh cả chính bản thân mình (*Cặp hài vạn dặm*).

d) Khi thơ Xuân Diệu mới ra đời, người ta thấy ông "Tây" quá. Điều ấy không phải không có lí. Tuy nhiên, thực ra thơ mới nói chung, thơ Xuân Diệu nói riêng, từ bản chất, vẫn kế thừa và phát huy cái nhạc điệu riêng, cái linh hồn riêng của thơ ca truyền thống. Tất nhiên yêu cầu cách tân của thơ mới khiến Xuân Diệu không thể không học tập những thành tựu phong phú của thơ ca hiện đại phương Tây. Người ta thấy ông chủ yếu chịu ảnh hưởng của trường thơ tượng trưng Pháp thế kỉ XIX⁽¹⁾. Trường thơ này, bên cạnh những mặt hạn chế, đã có đóng góp to lớn vào sự phát triển của nghệ thuật thơ ca : làm phong phú khả năng chiếm lĩnh và diễn đạt thế giới một cách tinh vi, mẫu nhiệm hơn, nâng cao tính nhạc của thơ, mài sắc giác quan của nhà thơ, phát huy cao độ ý thức về quan hệ tương giao giữa các giác quan khi cảm thụ thế giới⁽²⁾,... Kinh nghiệm của Đông và Tây, truyền thống và hiện đại, kết tinh ở một tâm hồn nghệ sĩ khát khao giao cảm với đời đã giúp Xuân Diệu khám phá được nhiều biến thái tinh vi của thiên nhiên cũng như nội tâm con người và thể hiện được trong những vần thơ "ít lời, nhiều ý, súc tích như đọng lại bao nhiêu tinh hoa" (Thế Lữ).

Cần chú ý đến đặc điểm cơ bản này của thơ Xuân Diệu : đây là một thế giới nghệ thuật đầy xuân sắc và tình tứ, trong đó chuẩn mực của cái đẹp không phải là thiên nhiên (như thường thấy trong thơ ca truyền thống), mà là con người – con người giữa tuổi trẻ và tình yêu. Quan điểm mỹ học này đã khiến Xuân Diệu sáng tạo ra được nhiều hình ảnh mới mẻ, độc đáo, đẹp một cách khoẻ khoắn và đầy sức sống.

(1) Trường thơ tượng trưng (symbolisme) của Pháp ra đời vào nửa sau thế kỉ XIX. Những cây bút tiêu biểu cho thời kì đầu của trường thơ này là Bô-đơ-le (Baudelaire), Véc-len (Verlaine), Ranh-bô (Rimbaud). Trường thơ tượng trưng quan niệm bản thể của thế giới là vô hình đối với con mắt của người thường, chỉ các nhà thơ có năng lực trực giác đặc biệt mới cảm nhận và diễn tả được. Đó mới đích thực là đối tượng của thơ. Trường thơ này đã phát huy cao độ quan hệ tương giao giữa các giác quan, đồng thời đề cao tính nhạc của thơ (Véc-len quan niệm thơ trước hết là nhạc).

Trường thơ tượng trưng có đóng góp lớn vào việc phát triển thơ ca Pháp, đem đến cho thơ Pháp khả năng diễn tả những biến thái hết sức tinh vi của thiên nhiên và lòng người.

(2) Nhà thơ tượng trưng Pháp Bô-đơ-le phát biểu quan niệm này trong bài *Tương giao* (*Correspondances*).

2. Về văn xuôi

Xuân Diệu không chỉ làm thơ mà còn viết nhiều thể loại khác. Với hai tập *Phấn thông vàng* (1939) và *Trường ca* (1945), Xuân Diệu đã để lại nhiều trang viết đáng gọi là kiệt tác. *Phấn thông vàng* là một tập bút kí, truyện ngắn, ông gọi là loại "truyện ý tưởng". *Trường ca* là một tập tùy bút. Nhìn chung, văn xuôi Xuân Diệu giàu chất thơ trữ tình, cảm hứng lãng mạn là chủ đạo, tuy không phải không có những trang viết nghiêng về cảm hứng hiện thực (*Toả nhị kiều*, *Cái hoá lò*,...). Đọc văn Xuân Diệu, ta gặp lại nhiều ý tứ vốn quen thuộc trong thơ ông, nhưng được diễn tả, phân tích, lí giải một cách rành mạch, tỉ mỉ hơn. Cảm hứng trữ tình đặc biệt sôi nổi trong *Trường ca* đã khiến nhiều trang viết trong tập tùy bút trở thành những áng thơ văn xuôi điểm lệ, đầy sức hấp dẫn (*Lệnh*, *Hoa học trò*, *Giã từ tuổi thơ*, *Thu*,...).

B – SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Với niềm khát khao giao cảm với đời (đối với Xuân Diệu, đời không chỉ thu hẹp trong môi trường trí thức tiểu tư sản mà còn bao gồm cả những lớp người "nhỏ bé", cơ cực mà ông từng bày tỏ nỗi "thương vay"⁽¹⁾ ở nhiều truyện, kí trong tập *Phấn thông vàng*), hồn thơ Xuân Diệu dễ bắt vào phong trào cách mạng để nhập với cuộc sống rộng lớn, sôi động của nhân dân.

Trước biến đời bao la ấy, những chuyện tâm tình của *cái tôi* tiểu tư sản dù phong phú thế nào cũng trở thành nhỏ bé, nghèo nàn. Vì thế, Xuân Diệu muốn mở rộng hồn thơ để ôm ấp lấy tất cả. Ông say sưa viết về Tổ quốc, nhân dân, về Đảng, Bác Hồ, về hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, về sự nghiệp xây dựng đất nước, v.v. với một tinh thần lạc quan sôi nổi. Và tài năng của ông được phát huy trên nhiều lĩnh vực : thơ, văn xuôi, nghiên cứu, phê bình văn học, dịch thuật. Tình cảm công dân là nét nổi bật trong mọi sáng tác của ông. Năm 1960, tập thơ *Riêng chung* ra đời, đánh dấu sự chuyển biến tư tưởng sâu sắc và vững chắc của Xuân Diệu với tư cách nhà thơ cách mạng. Cũng từ đó, ông lại tiếp tục viết về tình yêu (bên cạnh dòng trữ tình công dân vẫn là chủ yếu). Thơ tình Xuân Diệu sau Cách mạng, về kĩ thuật, có được gia công hơn nhưng không còn có cái sôi sục, đắm say của tuổi trẻ. Nếu trước kia, ông hay nói đến xa cách và cô đơn, thì nay ông nói nhiều đến cái ấm áp của sự sum vầy và tình chung thủy.

Với nhiệt tình cách mạng, từ tháng Tám năm 1945, Xuân Diệu đã đóng góp cho nền văn học Việt Nam một khối lượng sáng tác đồ sộ : mười ba tập thơ, năm tập bút kí, sáu tác phẩm dịch thơ nước ngoài.

(1) *Thương vay* : tên một truyện ngắn của Xuân Diệu trong tập *Phấn thông vàng*.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, tài năng Xuân Diệu đặc biệt phát triển mạnh về nghiên cứu, phê bình văn học. Ông để lại mười sáu tập nghiên cứu, phê bình viết về hầu như đủ loại đối tượng : từ thơ Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên,... đến thơ Phạm Tiến Duật, Hoàng Nhuận Cầm,... rồi cả thơ ca quần chúng của bộ đội, công nhân, nông dân trong kháng chiến và cải cách ruộng đất. Ông viết cả về những tập kí của Nguyễn Đức Thuận (*Bát khuất*), Trần Đình Vân (*Sống như Anh*),... Nhưng Xuân Diệu đặc biệt dồn sức vào việc nghiên cứu, phê bình các nhà thơ cổ điển như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... Ông muốn đọc giả muôn đời sau vẫn đọc ông và giao cảm với ông khi tìm hiểu những thiên tài bất tử của dân tộc. Ông rất chú ý phát hiện giá trị nhân văn, nhân bản ở các nhà thơ này. Với kinh nghiệm sáng tác phong phú của mình, trong nghiên cứu, phê bình, Xuân Diệu thường đi sâu vào chuyện "bếp núc" của thơ ca. Nhiều công trình của ông, vì thế, có thể xem là những tập giáo trình về nghề nghiệp cho những ai muốn đi vào công việc đầy khó khăn, phức tạp và rất đòi tinh vi này.

*

* *

Xuân Diệu là một nhà thơ mới, tuy có lúc ngạo nghễ coi mình như đỉnh Hi Mã Lạp Sơn ("Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất - Không có chi bề bạn nổi cùng ta"), nhưng thực chất lại là một tâm hồn luôn rộng mở với đời. Ông là một cây đàn Bá Nha nhưng không muốn chỉ có một Chung Tử Kỳ, mà khao khát hàng vạn, hàng triệu tri âm, tri kỉ, ở mọi nơi, mọi thời, thuộc mọi loại người khác nhau trên thế gian này. Một tâm hồn như thế, tất nhiên sẵn sàng nhập vào phong trào cách mạng để trở thành thi sĩ của nhân dân.

Một tâm hồn như thế tất nhiên cũng không thể tự giam hãm mình trong một hoạt động văn học nào. Vì vậy, ông vừa làm thơ vừa viết nhiều thể văn khác. Sau Cách mạng, ông càng viết nhiều, viết khoẻ, viết liên tục. Ở lĩnh vực nào ông cũng có đóng góp lớn và in đậm hình ảnh một Xuân Diệu – nhà thơ của mùa xuân và tuổi trẻ, luôn luôn sôi nổi tình yêu, dào dạt tình đời.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc kĩ phần I của bài học (*Cuộc đời*), anh (chị) có nhận xét gì về mối quan hệ giữa môi trường gia đình, xã hội, thiên nhiên, văn hoá của Xuân Diệu thời niên thiếu với những đặc điểm cơ bản của con người nhà thơ ?

2. Thơ mới là tiếng nói thơ ca của *cái tôi* cá nhân. Các nhà thơ mới nói chung đều có ý thức khẳng định *cái tôi* cá nhân của mình. Ở Xuân Diệu, sự khẳng định ấy có gì đặc biệt ?
3. Anh (chị) hiểu thế nào về mâu thuẫn bi kịch trong thơ Xuân Diệu nói chung, trong thơ tình (trước Cách mạng tháng Tám) của ông nói riêng ? Mâu thuẫn ấy thể hiện cụ thể trong thế giới hình tượng của thơ ông như thế nào ?
4. Xuân Diệu coi con người giữa tuổi trẻ và tình yêu là hoàn mĩ nhất. Điều ấy có ảnh hưởng gì tới những đổi mới trong cách sáng tạo hình ảnh thơ của ông so với nghệ thuật thơ ca truyền thống ? Hãy nêu vài dẫn chứng cụ thể.